

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
ngày 25/6/2025
V/v: Ly hôn, nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Lợi Ê Ban; Ông Phan Văn Hoè.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST - HNGĐ ngày 17/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Dung N sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đ. Bà N vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn T sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn 12, xã Kh, huyện K, tỉnh Đ. Ông T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Dung N trình bày:*

Bà Phạm Dung N và ông Nguyễn Tấn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 16/10/2020. Từ năm 2023, vợ chồng không hoà hợp nhau, bất đồng trong lối sống, vợ chồng hay cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, từ năm 2024 bà N và ông T không còn chung sống với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông T.

Bà N và ông T có 02 con chung là Nguyễn Phạm Thu U sinh ngày 20/5/2020 và Nguyễn Phạm Thu A sinh ngày 28/8/2022, hiện nay bà N đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi cả 02 con, bà N không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai ngày 25/3/2025, bị đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, ông T đồng ý với lời trình bày của bà N. Quá trình chung sống với nhau, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nên từ năm 2024, ông T và bà N không còn chung sống với nhau. Nên, ông T chấp nhận yêu cầu của bà N, đồng ý ly hôn với bà N.

Ông T và bà N có 02 con chung như bà N trình bày. Khi ly hôn, ông T chấp nhận yêu cầu của bà N, bà N trực tiếp nuôi con Nguyễn Phạm Thu U sinh ngày 20/5/2020 và Nguyễn Phạm Thu A sinh ngày 28/8/2022.

Về tài sản chung của vợ chồng, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; Việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của BLTTDS, bị đơn không tham gia phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Dung N, xử cho bà Phạm Dung N được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T; Giao con Nguyễn Phạm Thu U sinh ngày 20/5/2020 và Nguyễn Phạm Thu A sinh ngày 28/8/2022 cho bà Phạm Dung N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi; Bà Phạm Dung N phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nêu cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Phạm Dung N khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn, đây là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn ông Nguyễn Tấn T có nơi cư trú tại huyện K. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

[1.2] Nguyên đơn bà Phạm Dung N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Tấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai (trước khi HĐXX tiến hành xét xử, ông

T có mặt trong Hội trường xét xử, nhưng sau đó không tham gia tố tụng tại phiên tòa). Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS, việc xét xử vẫn được tiến hành.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ về hôn nhân: Bà N và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16/10/2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đ. Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, do bất đồng trong lối sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ông T và bà N không chung sống với nhau từ năm 2024 đến nay, mỗi người sinh sống một nơi, không còn có sự thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ông T bà N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, xử cho bà N được ly hôn với T.

[2.2] Về con cái: Bà N và ông T có 02 con chung là Nguyễn Phạm Thu U sinh ngày 20/5/2020 và Nguyễn Phạm Thu A sinh ngày 28/8/2022. Để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, HĐXX cần xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bà N và ông T, để giao con cho ai nuôi là phù hợp. Từ khi ông T và bà N không chung sống với nhau, bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, các con hiện nay còn nhỏ cần có sự gần gũi, chăm sóc trực tiếp từ người mẹ (cháu A dưới 36 tháng tuổi theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì cháu A được giao cho mẹ nuôi). Nhằm tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt, đời sống của các con, đảm bảo sự phát triển tốt nhất của các con về thể chất và tinh thần. HĐXX cần giao 02 con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung của vợ chồng: Bà N và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Phạm Dung N là nguyên đơn trong vụ án phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Dung N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phạm Dung N được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

2. Quan hệ về con cái: Giao con Nguyễn Phạm Thu U sinh ngày 20/5/2020 và Nguyễn Phạm Thu A sinh ngày 28/8/2022 cho bà Phạm Dung N trực tiếp nuôi con, đến khi con đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Bà Phạm Dung N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà N đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai số AA/2023/0007369 ngày 24/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

4. Thông báo quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Bông;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Krông Bông;
- UBND xã Phú Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thế Dương